TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/06/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Khiêm**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lý Hồng Hạnh
2. Ông Lý Văn Til

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Lê Trung H**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp TK, xã TX, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Có mặt

- *Bị đơn*: Bà **Phan Thị Bích N**, sinh năm 2002;

Địa chỉ: ấp TK, xã TX, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Nguyên đơn ông Lê Trung H trình bày*: ông và bà Phan Thị Bích N tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TX, huyện TL vào ngày 11 tháng 3 năm 2020 theo quy định pháp luật. Thời gian đầu sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cùng nhiều nguyên nhân khác. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên vợ chồng ly thân từ lâu. Nhận thấy, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Bích N.

Về con chung: ông và bà Phan Thị Bích N 01 con chung tên Lê Phan Diễm Q (nữ), sinh ngày 06/7/2020 hiện đang sống với ông nên khi ly hôn, ông H yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung ông tự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn là bà Phan Thị Bích N*, trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà đều vắng mặt nên nên vụ kiện không thể hòa giải được, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà N theo quy định về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn ông Lê Trung H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong đơn ly hôn.

Bị đơn bà Phan Thị Bích N vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ kiện đã được thụ lý theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện ông Lê Trung H yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Bích N. Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: ông Lê Trung H và bà Phan Thị Bích N tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp nhau, vợ chồng có sự bất đồng quan điểm sống, mặc dù hai bên cũng có tạo điều kiện hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và hiện tại bà N và ông H đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa bà N và ông H đã thực sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó có đủ căn cứ để xét yêu cầu ly hôn của ông Lê Trung H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với bị đơn: bà Phan Thị Bích N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà N vẫn vắng mặt chứng tỏ bà không thiết tha việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt đối với bà Xuyên theo đúng quy định pháp luật khi xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về con chung: Ông và bà Phan Thị Bích N có 01 con tên Lê Phan Diễm Q (nữ), sinh ngày 06/7/2020 hiện đang sống cùng với ông H nên ông có nguyên vọng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu Q đang sống cùng ông H nhằm tạo điều kiện sinh hoạt tốt nhất cho cháu Q. Nên Hội

đồng xét xử nghĩ cần tiếp tục giao Q cho ông Lê Trung H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: ông Lê Trung H trình bày là không có nhưng do xét xử vắng mặt bà N nên sẽ được tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trung H.

Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Trung H được ly hôn với bà Phan Thị Bích N.

Về con chung: Giao cháu Lê Phan Diễm Q (nữ), sinh ngày 06/7/2020 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà Phan Thị Bích N không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Lê Trung H trình bày là không có nên không xem xét, nhưng do xét xử vắng mặt bà Phan Thị Bích N nên sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí: ông Lê Trung H phải nộp 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005732 ngày 20/10/2022 thành án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi bị đơn cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Khiêm

* ***Nơi nhận:***
- VKSND huyện TL;
- Thi hành án huyện TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi bị đơn cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lý Hồng Hạnh Lý Văn Til	**Lê Thanh Khiêm**